

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 00401 / ĐK



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: Số đăng ký: AG 00401

Chủ phương tiện: Cty TNHH MTV Phà An Giang

Địa chỉ chủ phương tiện: Mỹ Long, TP.Long Xuyên, AG

Đã được đăng ký phương tiện có những đặc điểm sau:

Cấp phương tiện: Vũng - SII Công dụng: Phà

Năm, nơi đóng: 1989/2012-AG

Chiều dài thiết kế: 18,75 m Chiều dài lớn nhất: 19 m

Chiều rộng thiết kế: 4,5 m Chiều rộng lớn nhất: 4,6 m

Chiều cao mạn: 1,1 m Chiều chìm: 0,8 m

Mạn khô: 0,306 m Vật liệu vỏ: Thép

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:

MITSUBISHI-6, 305986 140 CV

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chơ, sức kéo, dây:

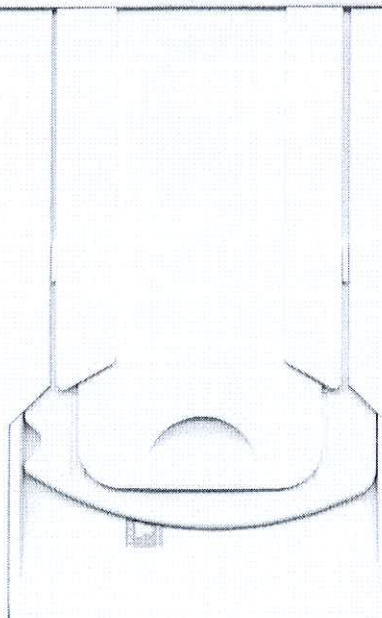
75 khách + 14 tấn hàng / 21,93 Tấn

Long Xuyên, Ngày 24 tháng 4 năm 2012



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Long Chức



Trang bị chạy tàu

Ông nhòm ; Đồng hồ
Thiết bị đo sâu đơn giản ; Chuông lệnh
Thiết bị đo nghiêng ; Thước đo mức nước
GPS hoặc thiết bị tương tự ; La bàn từ hoặc la bàn chuẩn
Thiết bị giám sát hành trình (Tàu cao tốc) ; Ra đa
Thiết bị VTD : MF/HF (chiếc) 0 ; VHF (chiếc) 0 ;
S.EPIRB AIS
SART/AIS-SART

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng sản lượng:
Két thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m³) 0,15
Két nước thải: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)
Két lắng: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)
Két dầu bản: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m³) 0,15
Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc) ; Vị trí
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) 2
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc) ; Sản lượng (m³)

Thời hạn kiểm tra

Định kỳ: 24/08/2022 ; Trên đà: 24/08/2020
Hàng năm: 24/08/2020

Áp dụng đối với:

1. Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công te nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí.
2. Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
3. Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
 - a) Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
 - b) Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
 - c) Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
 - d) Phương tiện chuyên dùng như: ụ nổi, tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
 - e) Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chi cục Đăng kiểm An Giang

Số: 02973/19V67



AV 180739

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: **D04** Số ĐKKHC: **AG-00401**
Công dụng: **Phà một lưới** Số Đăng kiểm: **V67-00401**
Chủ phương tiện: **Cty TNHH Một Thành Viên Phà An Giang**
Địa chỉ: **360 Lý Thái Tổ, Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, An Giang**
Năm đóng/hoàn cải: **1989, AG**
Kích thước cơ bản: L x B x D x d **18,75x4,5x1,1x0,8** m;
L_{max} x B_{max} **19x4,6** m; Mạn khô F: **306** mm;
Vật liệu: **Thép đóng tàu** ; Dung tích: ;
Số lượng máy chính/phụ: **1/0** ; Tổng công suất: **140/0** cv;

Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 02973/19V67 ngày 27 tháng 8 năm 2019

Chi cục Đăng kiểm An Giang

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy phạm, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SII

Vùng hoạt động: **Vùng SII**
Khả năng khai thác: **Số khách: 75 (người); Lượng hàng: 14 (tấn) - / TTTP: 36,93 (tấn)**

Phà chỉ được chở xe Ôtô khách ≤ 16 chỗ hoặc xe tải ≤ 3,5 T.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 24 tháng 8 năm 2020

Cấp tại **An Giang**, ngày 27 tháng 8 năm 2019

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỆM

Số KS **VR89026365**



SI-01

Thiết kế phương tiện

Ký hiệu thiết kế: **AG-00401/HC.12** ; Năm thiết kế: **2012**
 Số GCN: ; Số thẩm định: **081/AG/HC.12**
 Năm nơi hoàn cải:

Thiết bị neo

Neo mũi, kiểu **Matrosov** ; SL(chiếc): **1** ; Tổng khối lượng neo **50** kg
 Neo đuôi, kiểu / ; SL(chiếc): **0** ; Tổng khối lượng neo / kg
 Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi **60/14** ; Đuôi:
 Kiểu tời neo: Mũi **Kiểu nằm** ; Đuôi /

Thiết bị lái

Bánh lái: Kiểu **Tám** ; số lượng (chiếc): **1** ; Tổng DT (m²): **1,2**
 Máy lái chính: Kiểu **Cơ khí** ; Mô men lái (tm): **0,2**
 Máy lái dự phòng: Kiểu **Lái tay** ; Mô men lái (tm):

Thiết bị chằng buộc

Dây buộc: số lượng (chiếc) **3** ; Chiều dài (m) **40**
 Cột buộc dây: Kiểu **Bít đơn/Bít đôi** ; Số lượng (chiếc) **2/4**

Thiết bị kéo

Cột kéo: Kiểu ; Đường kính (mm):
 Móc kéo: Kiểu ; Lực kéo định mức (kN):
 Tời thu dây: kiểu ; Lực kéo định mức (kN):
 Dây kéo loại: ; Chiều dài (m)

Máy chính

Máy chính số	Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo	Công suất (cv)
1	MITSUBISHI-6		305986	140

Máy phụ

Số lượng, mác, công suất (cv): **0; 0**

Thiết bị điện

Số lượng máy phát (chiếc): **1**
 Công suất (KVA): **1,25** ; Điện áp (V): **24V**
 Số bình ắc quy: **4** ; Điện áp (V): **12** ; Tổng dung lượng (Ah): **200x4**

Hệ thống không khí nén

Bình khí nén: Số lượng(chiếc):
 Máy nén khí: Số lượng (chiếc):

Trang bị chữa cháy

Hệ thống chữa cháy cố định:

Bảng nước: kiểu bơm: **Ly tâm** ; SL(chiếc) **1** ; Lưu lượng (m³) **15**
 Bảng khí: loại khí ; Tổng khối lượng (kg)
 Bảng bọt: loại bọt ; Tổng thể tích (lít)

Thiết bị chữa cháy di động:

Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lít):

Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:

Bình CO₂ Số bình x khối lượng (kg) **2x5**

Bình bọt: Số bình x khối lượng (kg)

Bình bọt: Số bình x dung tích (lít) **9x9**

Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công: ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:

Trang bị cứu sinh

Số lượng phao tròn: Không dây (chiếc) **2** ; Có dây(chiếc): **2**
 Số lượng phao áo (chiếc): **78** ; Phao áo trẻ em (chiếc): **8**
 Số lượng dụng cụ nổi (chiếc): **2** ; Tổng sức chở (người): **16**

Trang bị cứu đắm

Bơm hút khô: kiểu **Ly tâm** ;
 Số lượng (chiếc): **1** ; Lưu lượng (m³) **15**
 Bộ dụng cụ cứu đắm:
 Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:

Trang bị tín hiệu

Đèn hiệu:

Đèn mạn đỏ ; Đèn mạn xanh ; Đèn trắng lái ;
 Đèn cột trắng: ; Đèn cột xanh ; Đèn cột đỏ ; Đèn neo ;
 Đèn lai đỏ ; Đèn lai xanh ; Đèn vàng ;
 Đèn trắng nháy ; Đèn vàng nháy ; Đèn đỏ nháy ;
 Đèn cho các tình huống khác ; Đèn nửa xanh nửa đỏ ; Đèn dự trữ ;

Âm hiệu:

Còi-1

Vật hiệu: Tam giác đen ; Tam giác trắng ; Vuông đen ;
 Chữ nhật đen ; Tròn đen ; Tròn trắng ;
 Hình thoi góc vuông đen ;
 Bộ cờ hiệu ; Pháo hiệu dù ; Súng phóng dây ;

